

DI SẢN THIÊN NHIÊN, DI SẢN VĂN HÓA LÀ TÀI NGUYÊN VÀ LỢI THẾ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG (NHÂN NGÀY DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM - 23/11/2015)

PGS.TS. PHẠM MAI HÙNG*

TÓM TẮT

Bài viết đề cập tới mối quan hệ khăng khít, tương hỗ giữa di sản văn hóa, di sản thiên nhiên với du lịch. Từ thực tế, tác giả phân tích vai trò của biển, hồ, hang động, cao nguyên đá, danh thắng, không gian sinh thái... cùng các di sản văn hóa để thấy những giá trị cơ bản mang tính chất là chỗ dựa chắc chắn cho du lịch bền vững và trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trong thực tại và tương lai.

Từ khóa: di sản thiên nhiên; di sản văn hóa; du lịch; tài nguyên.

ABSTRACT

The paper mentions the mutual relation between natural, cultural heritage and tourism. From the real situation, the author analyses the role of seas, lakes, caves, stone highlands, landscapes, ecological spaces etc with heritage elements to show the basic values for sustainable tourism development – an important economy sector at present and the near future.

Key words: natural heritage; cultural heritage; tourism; resource.

Nếu tạm coi: “Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một thời gian nhất định”; “Tài nguyên du lịch là cảnh quan tự nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, tuyến du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch”; và, “Sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ cần thiết để thỏa mãn các nhu cầu của khách du lịch trong chuyến đi du lịch”; “Du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng được nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu du lịch của tương lai”¹ thì di sản thiên nhiên, di sản văn hóa vừa là tài nguyên, vừa là đối tượng, vừa là lợi thế cho du lịch phát triển bền vững.

Phải ghi nhận rằng, Việt Nam là một quốc gia có tiềm năng du lịch đa dạng và phong phú. Ở bài viết này, tôi chỉ đề cập tới di sản thiên nhiên, di sản văn

hóa - hai nhân tố “quan yếu” tạo nền tảng cho du lịch - một ngành kinh tế mũi nhọn phát triển bền vững và lâu dài.

1. Di sản thiên nhiên/Tài nguyên thiên nhiên

Thiên nhiên đã ban tặng cho Việt Nam những cảnh quan hoành tráng, những con dốc, con đèo ngoạn mục, những hang động đẹp mê ly, những vịnh, bãi tắm, hồ, thác nước làm say đắm lòng người, những rừng nguyên sinh, những khu dự trữ sinh quyển, những trầm chim, đảo chìm, đảo nổi... kích thích sự khám phá, chiêm nghiệm của khách du lịch trong và ngoài nước đã nhiều năm nay.

Trước hết, nói về tài nguyên biển: Ngày nay, biển và đại dương chiếm vị trí hết sức quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị thế giới và được coi là “không gian sinh tồn” của nhân loại trong tương lai. Do vậy, việc tiến ra biển để khai thác, làm chủ biển là xu thế thiết yếu, trở thành chiến lược vươn lên của nhiều quốc gia có biển. Việt Nam là một quốc gia ven biển, đứng thứ 27 trong số 156 quốc gia có biển, đứng thứ 1/12 quốc gia có vịnh đẹp, hơn thế lại đẹp nhất thế giới, như vịnh Hạ Long, vịnh Nha Trang. Giáp với Biển Đông ở hai phía: Đông và Nam, do vậy, biển Việt Nam là một phần

* Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia

của Biển Đông. Bờ biển Việt Nam dài 3.260km, tính ra, cứ 100km² diện tích đất liền, có 01km đường bờ biển (trung bình của thế giới là 600 km² đất liền có 01km đường bờ biển); vùng biển chủ quyền rộng gấp ba lần diện tích đất liền, có trên 4.000 đảo lớn, nhỏ xa bờ và gần bờ, chạy suốt từ Vịnh Bắc Bộ đến Vịnh Thái Lan..., với nhiều bãi biển và phong cảnh đẹp, còn giữ được gần như nguyên vẹn vẻ hoang sơ, môi trường trong lành, thuận lợi để phát triển loại hình du lịch biển. Tiêu biểu nhất là đảo Cái Bầu, Quan Lạn, Cát Bà, Cù lao Chàm, Côn Đảo, Phú Quốc. Đặc biệt là hai quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa. Đó là những nét đặc trưng cơ bản của cấu trúc và sự phân hóa lãnh thổ Việt Nam, tạo cho đất nước ta tính đa dạng về cảnh quan thiên nhiên và nguồn lợi thủy sinh.

Kết quả nghiên cứu khảo sát cho biết, dọc bờ biển từ Móng Cái đến Hà Tiên có 125 bãi tắm, phân bố trải dài từ Bắc vào Nam. Các bãi tắm biển của Việt Nam có chất lượng tương đối cao (như độ mặn, độ dốc, độ trong...). Tiêu biểu là các bãi biển Trà Cổ, Sầm Sơn, Tĩnh Gia, Cửa Lò, Thuận An, Lăng Cô, Non Nước, Sa Huỳnh, Vân Phong, Nha Trang, Bình Tiên, Ninh Chữ, Cà Ná, Mũi Né, Vũng Tàu, Hà Tiên. Điều thú vị là cả hai đầu của bờ biển nước ta, mỗi nơi có một bãi biển tuyệt vời, đó là Trà Cổ (Quảng Ninh), có chiều dài 17 km, có bãi cát rộng, bằng phẳng tới mức lý tưởng; là bãi biển Hà Tiên (Kiên Giang) gắn với thắng cảnh Hòn Phụ Tử đẹp nổi tiếng. Về lịch sử, Biển Đông và các vùng biển đảo của nước ta là khu lưu giữ nhiều bí mật của quá khứ, ghi nhận nhiều trang sử hào hùng gắn với các cuộc chiến tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Biển thực sự là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam, là di sản thiên nhiên của dân tộc, là chỗ dựa tinh thần và vật chất cho ngư dân.

Từ các hải cảng ven biển của Việt Nam, thông qua eo biển Malacca có thể đến Ấn Độ Dương, Trung Đông, châu Phi, châu Âu; qua eo biển Bashi có thể đi vào Thái Bình Dương đến các cảng của Nhật Bản, Nga, Nam Mỹ, Bắc Mỹ; qua các eo biển của Indonexia, Philippines, Singapore để đến Australia và New Zealand..., quanh năm nước không đóng băng, nên đây là điều kiện thuận lợi thúc đẩy giao lưu kinh tế, văn hóa giữa nước ta và các nước trong khu vực và trên thế giới.

Về tài nguyên nước: Việt Nam là quốc gia có nhiều hồ tự nhiên, hồ nhân tạo, có hệ thống sông ngòi dày đặc, là lợi thế cho phát triển du lịch. Theo kết quả khảo sát, Việt Nam có 3.500 hồ chứa nước, phân bố ở 44/63 tỉnh, thành phố. Những tỉnh có nhiều hồ nhất là Nghệ An có 249 hồ, Hà Tĩnh có 166 hồ, Thanh Hóa có 123 hồ, Phú Thọ có 118 hồ, Đắk Lắk có 116 hồ, Bình Định có 108 hồ; một số hồ tự nhiên, hồ nhân tạo đã được đưa vào phục vụ du lịch, như hồ Ba Bể (Bắc Cạn), thác Bản Giốc (Cao Bằng), hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm, hồ Đại Lải, hồ Quan Sơn, hồ Suối Hai (Hà Nội), hồ Cấm Sơn (Bắc Giang), hồ Đông Chương, hồ Đông Thái, hồ Yên Thắng, hồ Mạc (Ninh Bình), hồ Tuyên Lâm, hồ Than Thở (Đà Lạt - Lâm Đồng), hồ Hòa Bình - sông Đà, hồ Thủy điện Sơn La, hồ Trị An, hồ Dầu Tiếng. Các dòng sông hùng vĩ và thơ mộng, như sông Hồng, sông Đà, sông Mã, sông Lam, sông Hương, sông Đồng Nai, sông Mê Kông được sử dụng cho du lịch phát triển.

Bước đầu điều tra, khảo sát cho thấy, Việt Nam có 400 nguồn nước khoáng tự nhiên (cả lạnh và nóng). Trong đó, trên 80% là nguồn nước nóng có nhiệt độ trên 35° (40° đến 150°). Đây chính là tài nguyên thiên nhiên có giá trị để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, đặc biệt hấp dẫn vào mùa đông lạnh ở miền Bắc. Nhiều nguồn nước khoáng có cơ sở hạ tầng tốt đã được khai thác phục vụ cho du lịch, như: Mỹ Lâm (Tuyên Quang), Thanh Thủy (Phú Thọ), Kim Bôi (Hòa Bình), Tiên Lãng (Hải Phòng), Quang Hanh (Quảng Ninh), Kênh Gà (Ninh Bình), Sơn Kim (Hà Tĩnh), Mỹ An (Thừa Thiên Huế), Phú Ninh (Quảng Nam), Thạch Bích (Quảng Ngãi), Tháp Bà (Khánh Hòa), Đạm Rông (Lâm Đồng), Bình Châu (Bà Rịa - Vũng Tàu).

Về tài nguyên sinh vật: Tài nguyên sinh vật có giá trị hấp dẫn du lịch bởi tính đa dạng sinh học, bảo tồn được nhiều nguồn gen, loại đặc trưng cho rừng nhiệt đới, trong đó có nhiều loài đặc hữu. Tính đến 2009, cả nước có 30 vườn quốc gia, như: Ba Bể, Bái Tử Long, Hoàng Liên Sơn, Tam Đảo, Mai Sơn, Ba Vì, Cát Bà, Cúc Phương, Xuân Thủy, Bến En, Bạch Mã, Phong Nha - Kẻ Bàng, Pù Mát, Vụ Quang, Bu-dray, Chư Mom Ray, Chư Yang Sin, Kon Ka Kinh, Yok Đôn, Côn Đảo, Lò Gò - Xa Mát, Mũi Cà Mau, U Minh Hạ, U Minh Thượng; 69 khu bảo tồn thiên nhiên, 45 khu rừng, với tổng diện tích là 2,2 triệu ha, bằng 10% diện tích đất lâm nghiệp và gần 6%

diện tích lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, còn các tràm chim, khu dự trữ sinh quyển - Theo số liệu thống kê, đến năm 2015, UNESCO đã công nhận 8 khu dự trữ sinh quyển Việt Nam là: Châu thổ sông Hồng, Cát Bà (Hải Phòng), Pù Mát (Tây Nghệ An), Cù lao Chàm (Quảng Nam), Đồng Nai, Cần Giờ (thành phố Hồ Chí Minh), Cà Mau, Biển Kiên Giang.

Về tài nguyên hang động, bãi đá, cao nguyên đá và danh thắng: Việt Nam có hệ thống núi đá vôi hùng vĩ, có diện tích khoảng 60.000km², chiếm 15% diện tích đất liền tự nhiên của cả nước và tập trung chủ yếu ở Tây Bắc, như Lai Châu, Sơn La; ở Đông Bắc, như Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Sơn (Lạng Sơn) đến biên giới Việt Trung. Khối đá vôi Hòa Bình, Thanh Hóa nối Tây Bắc với Bắc Trung Bộ; Trung Trung Bộ là khối đá vôi Kẻ Bàng - Khe Ngang (Quảng Bình); khối đá vôi Ngũ Hành Sơn; ở miền Nam, núi đá vôi chỉ ở khu vực xung quanh thị xã Hà Tiên và một số đảo rải rác trong địa phận tỉnh Kiên Giang. Do đó, các hang động ở Việt Nam được hình thành trong các khối núi đá vôi có kiểu địa hình karst rất phát triển. Việt Nam có khoảng 1.000 hang động, cho tới năm 2010, Quảng Bình đã phát hiện được 300 hang động thuộc vùng Phong Nha - Kẻ Bàng; Ninh Bình có 400 hang động, trong đó, có hơn 100 hang động tập trung ở sơn khối đá vôi Tràng An - Tam Cốc - Bích Động; Cao nguyên đá Đồng Văn tỉnh Hà Giang đã được UNESCO vinh danh là công viên địa chất toàn cầu...

Hiện tại, Việt Nam có 200 hang động có thể khai thác phục vụ du lịch. Đó là những hang đẹp lộng lẫy, tráng lệ, kỳ ảo, có sức hút du lịch, như hang Đầu Gỗ, hang Sừng Sốt, hang Thiên Cung trên sơn khối đá vôi vịnh Hạ Long, hang Sơn Đoòng, hang Phong Nha - Kẻ Bàng... Hơn thế, bên cạnh những vẻ đẹp thiên tạo, những hang động còn lưu giữ những di chỉ khảo cổ học, những di tích lịch sử - văn hóa có giá trị, như ở Tràng An (Ninh Bình) càng hấp dẫn hơn với khách du lịch trong, ngoài nước. Đồng thời, còn có nhiều địa hình thiên tạo thành các biểu tượng nghệ thuật gắn với các sự tích và truyền thuyết không kém hấp dẫn, như Tam Thanh, Nhị Thanh, Vọng Phu, Phụ Tử, Núi Chúa, Núi Chùa, Núi Bà Đen...

2. Di sản văn hóa/Tài nguyên du lịch nhân văn

Di tích lịch sử - văn hóa:

Việt Nam là một trong những quốc gia có nền văn hóa tiền, sơ sử rất phát triển và phát triển liên

tục từ thời đại đá cũ (di tích Núi Đọ - Thanh Hóa), đến đá mới; và, thời đại kim khí, với văn hóa Đông Sơn rực rỡ, tiếp đến là lịch sử dựng nước và giữ nước. Việt Nam là một quốc gia hiếm hoi trên hành tinh luôn bị các thế lực ngoại xâm vượt trội về sức mạnh kinh tế, tiềm lực quốc phòng công phá, xâm chiếm (hết phương Bắc, lại đến phương Tây), những tường Việt Nam chẳng bao giờ có tên trên bản đồ thế giới. Thế mà, bằng nội lực phi thường, dân tộc ta đã vượt qua trở lực, đánh bại mọi kẻ thù để giang sơn thu về một mối. Dấu tích của con người tiền sử trên đất Việt, dấu tích của các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm được các thế hệ tiền bối lưu lại trở thành di tích lịch sử - văn hóa, bộ phận "quan yếu" của di sản văn hóa dân tộc và đang là tài nguyên du lịch trọng yếu, thành những sản phẩm du lịch đặc sản của Việt Nam, có sức cạnh tranh cao trong khu vực.

Qua số liệu cập nhật của Cục Di sản văn hóa (tính đến tháng 8/2015), cả nước đã có 3.293 di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quốc gia; 5.347 di tích cấp tỉnh, thành phố; 62 di tích quốc gia đặc biệt. Theo đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và kết quả thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Thủ tướng Chính phủ đã ký hồ sơ khoa học, tờ trình đề nghị UNESCO đưa di sản văn hóa và thiên nhiên, di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam vào các danh sách của UNESCO. Kết quả, đến nay, UNESCO đã ghi danh những di sản sau đây của Việt Nam:

- + Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), ghi danh lần thứ nhất năm 1994, lần thứ 2 năm 2000.
- + Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, ghi danh lần thứ nhất năm 2003, lần thứ 2 năm 2015.
- + Quần thể danh thắng Tràng An (Ninh Bình), ghi danh năm 2014.
- + Quần thể các công trình kiến trúc Cố đô Huế (Thừa Thiên Huế), ghi danh năm 1993.
- + Đô thị cổ Hội An (Quảng Nam), ghi danh năm 1999.
- + Khu di tích đền, tháp Chăm - Mỹ Sơn (Quảng Nam), ghi danh năm 1999.
- + Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội, ghi danh năm 2010.
- + Thành Nhà Hồ (Thanh Hóa), ghi danh năm 2014.
- + Nhã nhạc Cung đình Việt Nam - Triều Nguyễn, ghi danh năm 2003.

+ Không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên, ghi danh năm 2005.

+ Dân ca Quan họ (Bắc Ninh), ghi danh năm 2009.

+ Lễ hội Gióng ở đền Phù Đổng (Gia Lâm) và đền Sóc (Sóc Sơn, Hà Nội), ghi danh năm 2010.

+ Nghệ thuật Đờn ca Tài tử Nam Bộ, ghi danh năm 2013.

+ Dân ca Ví - Dặm (Nghệ Tĩnh), ghi danh năm 2014.

+ Hát Ca trù, ghi danh năm 2009.

+ Hát Xoan (Phú Thọ), ghi danh năm 2011.

+ Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, ghi danh năm 2012.

Ngoài ra, UNESCO cũng đã ghi danh một số di sản tư liệu của Việt Nam, đó là 82 bia tiến sĩ tại Văn miếu Quốc Tử giám (Hà Nội), Mộc bản, Châu bản Triều Nguyễn, Mộc bản khắc sách kinh Phật chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã đưa 138 di sản văn hóa phi vật thể vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Di sản lễ hội:

Theo thống kê của Cục Văn hóa cơ sở, hiện cả nước có 7.466 lễ hội, trong đó có 7.039 lễ hội dân gian/truyền thống (chiếm 88,36%). Hầu hết lễ hội dân gian/truyền thống đều có lịch sử lâu đời và ẩn chứa nhiều giá trị đặc sắc, như giá trị cố kết, biểu dương sức mạnh cộng đồng; giá trị hướng về cội nguồn; giá trị cân bằng đời sống tâm linh; giá trị trao truyền, hưởng thụ văn hóa... Do đó, đây cũng là tài nguyên đặc biệt, có thể khai thác phục vụ du lịch.

Di sản nghề, làng nghề:

Theo số liệu của Tổng hội làng nghề, phố nghề, hiện nước ta có khoảng 3.355 làng nghề truyền thống, chủ yếu gắn với văn hóa lúa nước, có lịch sử hình thành, phát triển lâu đời, với các sản phẩm tinh tế, có giá trị kinh tế, văn hóa và thẩm mỹ cao. Trong đó có nhiều làng nghề nổi tiếng, như: chạm khắc đá ở Hải Dương, Thanh Hóa, Đà Nẵng; nghề đúc đồng ở Ngũ Xã (Hà Nội), Thanh Hóa, Quảng Nam; nghề kim hoàn ở Định Công (Hà Nội), Chăm Khê (Hải Dương); nghề gốm ở Bát Tràng (Hà Nội), Hương Canh (Vĩnh Phúc), Thổ Hà (Bắc Giang), Lò Chum (Thanh Hóa), Chu Đậu (Hải Dương), Phước Tích (Thừa Thiên Huế), Biên Hòa (Đồng Nai), gốm Chăm (Ninh Thuận, Bình Thuận)... Làng nghề là tài nguyên du lịch hấp dẫn.

Di sản ẩm thực:

Văn hóa ẩm thực Việt Nam nổi tiếng với các món ăn dân tộc, gắn với văn hóa trồng lúa nước và sự giao thoa giữa ẩm thực phương Đông và ẩm thực phương Tây. Mỗi dân tộc đều có cách thức chế biến món ăn đặc trưng của dân tộc mình. Các món ăn nổi tiếng, như nem, giò, chả, cao lầu, măng đắng, canh chua, chả cá, phở... hấp dẫn du khách cả ăn và trải nghiệm, do vậy cũng là tài nguyên đã được khai thác cho phát triển du lịch.

Di sản ở các bảo tàng:

Việt Nam hiện có 148 bảo tàng, trong đó, có 123 bảo tàng công lập, 25 bảo tàng ngoài công lập. Năm 2015, có 5 bảo tàng được du khách bình chọn là điểm du lịch hấp dẫn nhất châu Á, đó là Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam, Bảo tàng Điêu khắc Chăm (Đà Nẵng), Bảo tàng Chứng tích chiến tranh (thành phố Hồ Chí Minh), Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam.

Hiện các bảo tàng đang lưu giữ, trưng bày trên 3 triệu đơn vị, tài liệu, hiện vật. Trong đó, có một số hiện vật đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia.

Những số liệu trên đủ để chứng minh rằng, thiên nhiên Việt Nam rất đa dạng về địa hình, diện mạo, thủy văn, môi trường sinh thái, tạo nên di sản thiên nhiên không chỉ đẹp, quyến rũ lòng người, mà còn ẩn chứa nhiều giá trị vừa mang đặc trưng của thế giới, của Việt Nam nói chung, của từng vùng, miền, từng địa phương nói riêng, tạo nên tài nguyên đảm bảo cho sự phát triển lâu dài của du lịch. Di sản văn hóa là tài nguyên căn bản của du lịch, mà cốt lõi của di sản văn hóa là hệ thống di tích lịch sử - văn hóa. Phân tích số liệu xếp hạng di tích của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, không mấy khó để thấy rằng, Việt Nam là quốc gia có hệ thống di tích lịch sử - văn hóa phong phú về loại hình, giàu có về giá trị khoa học, giá trị thẩm mỹ. Các di tích khảo cổ học đã phát hiện, khai quật gần thế kỷ nay cho ta cảm nhận Việt Nam là một trong những quốc gia có được may mắn chứng kiến buổi bình minh của lịch sử loài người, chứng kiến sự xuất hiện của con người hiện đại; là quốc gia có bề dày lịch sử và phát triển liên tục từ sơ kỳ thời đại đá cũ đến đá mới và thời đại kim khí, để rồi đến thời cổ đại, trên lãnh thổ Việt Nam đã hình thành ba phổ hệ/ba trung tâm văn hóa - văn minh rộng lớn gắn liền với những nhà nước sơ khai đầu tiên. Đó là trung tâm văn

hóa Đông Sơn gắn với nước Văn Lang - Âu Lạc, trung tâm văn hóa Sa Huỳnh - Chăm cổ gắn với nước Lâm Ấp, trung tâm văn hóa Óc Eo gắn với nước Phù Nam. Ba trung tâm văn hóa ấy, qua tiến trình lịch sử đã hội nhập tự nguyện thành lịch sử, văn hóa Việt Nam. Trong đó, dòng văn hóa Đông Sơn với nước Văn Lang- Âu Lạc là dòng chủ lưu. Di sản văn hóa là sản phẩm của lịch sử, do vậy, cần nhận thức rằng, di sản văn hóa Việt Nam là tổng thể các di sản văn hóa được tạo thành từ thời tiền sử, cho đến ba trung tâm văn hóa thời cổ đại và tất cả di sản văn hóa được tạo thành qua quá trình dựng, giữ nước của dân tộc qua các thời kỳ lịch sử cho đến ngày nay. Việt Nam là một quốc gia đa tộc người. Hiện có 54 tộc người quần cư trên mọi miền của đất nước, từ miền núi đến trung du, đồng bằng và hải đảo xa xôi. Mỗi tộc người đều có kho tàng di sản văn hóa riêng, đóng góp vào di sản văn hóa chung của cả cộng đồng dân tộc. Vì thế, Việt Nam là quốc gia có nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, phong phú và chính sự đa dạng, phong phú này đã hấp dẫn du khách.

Như vậy, di sản thiên nhiên, di sản văn hóa hẳn nhiên là đối tượng, là tài nguyên, là tiềm năng, là lợi thế thuận lợi để phát triển du lịch bền vững.

Thấy rõ tiềm năng, lợi thế cũng như hiệu quả kinh tế, xã hội của du lịch, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý cho phát triển du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Đáng chú ý là các văn bản sau đây: *Luật Du lịch số 44/2005/QH11*, được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005; *Quyết định số 201/QĐ.TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Trong đó, xác định rõ: Mục tiêu tổng quát đến năm 2020, du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tính chuyên nghiệp, với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực và thế giới... Mục tiêu cụ thể là: Phát triển 7 vùng du lịch với những sản phẩm đặc trưng theo từng vùng, 46 khu du lịch quốc gia, 41 điểm du lịch quốc gia, 12 đô thị du lịch và một số khu, điểm du lịch quan trọng khác tạo động lực đòn bẩy phát triển du lịch cho các vùng và cả nước...

Xác định các chỉ tiêu phát triển ngành:
Về kinh tế:

Năm	Thu hút khách du lịch		Tổng thu từ du lịch	Đóng góp của du lịch vào GDP quốc gia	Tạo việc làm
	Khách quốc tế	Khách nội địa			
2015	7,5 triệu lượt người	37 triệu lượt người	207 nghìn tỷ đồng	6% trong tổng GDP	2,1 triệu người
2020	10,5 triệu lượt người	47,5 triệu lượt người	372 nghìn tỷ đồng	7% trong tổng GDP	2,9 triệu người
2025	14 triệu lượt người	58 triệu lượt người	523 nghìn tỷ đồng	7,2% trong tổng GDP	3,5 triệu người
2030	18 triệu lượt người	71 triệu lượt người	708 nghìn tỷ đồng	7,5% trong tổng GDP	4,7 triệu người

Về văn hóa: Góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam, phát triển thể chất, nâng cao dân trí và đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, tăng cường đoàn kết hữu nghị, tinh thần tự tôn dân tộc.

Về môi trường: Phát triển du lịch "xanh" gắn hoạt động phát triển du lịch với gìn giữ và phát huy giá trị tài nguyên và bảo vệ môi trường. Bảo đảm môi trường du lịch là yếu tố hấp dẫn, quyết định chất lượng, giá trị thụ hưởng du lịch và thương hiệu du lịch.

Để đẩy mạnh tốc độ phát triển của du lịch Việt Nam, Chính phủ đã ban hành *Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 về một số giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới; Nghị định số 46/NĐ-CP ngày 18/06/2015 về miễn thị thực cho công dân Belarus trong thời hạn 05 năm và cho công dân Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha và Italia thời gian 01 năm kể từ ngày 01/07/2015; Chỉ thị số 14/CT.TTg ngày 12/07/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về việc tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch.*

Vững tin vào sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, sự ủng hộ của các Bộ, ban, ngành, các địa phương và sự nỗ lực tự thân của ngành Du lịch, chúng ta hy vọng, du lịch Việt Nam sẽ vượt qua khó khăn, thách thức để trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn thật sự./.

D.M.H

Chú thích:

1- *Luật Du lịch - số 44/2005/QH11*, được Quốc hội Khóa XI thông qua ngày 14/06/2005.

(Ngày nhận bài: 15/10/2015; Ngày phản biện đánh giá: 20/10/2015; Ngày duyệt đăng bài: 08/11/2015).